

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/DS-PT

Ngày: 29 - 8 - 2022

*V/v “Tranh chấp hợp đồng dân
sự Vay tài sản; mua bán tài sản;
yêu cầu bồi thường thiệt hại và
hủy quyết định cá biệt”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Thẩm phán:

Ông Dư Thành Trung

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc *“Tranh chấp hợp đồng dân sự Vay tài sản; mua bán tài sản; yêu cầu bồi thường thiệt hại và hủy quyết định cá biệt”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện LH bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 176/2022/QĐ-PT ngày 02/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 198/2022/QĐ-PT ngày 22/8/2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Vợ chồng ông Hoàng Như T, sinh năm 1970

Bà Đặng Thị H, sinh năm 1975

Địa chỉ: B thôn LT, xã TH, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

2.Bị đơn: Bà Lại Thị Kim L, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn M, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Nguyễn Bá U, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn T, xã TH, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Vợ chồng ông Nguyễn Bá Kính Đ, sinh năm: 1959; Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 196; Địa chỉ: Thôn T, xã TH, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

3.2. Chi cục thi hành án dân sự huyện LH

Địa chỉ: TDP S, thị trấn ĐV, huyện LH

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang K, chức vụ: Chi cục trưởng

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn Th, chức vụ: Chi cục phó - Chi cục thi hành án dân sự huyện LH

3.3. Ủy ban nhân dân huyện LH. Địa chỉ: Thị trấn ĐV, huyện LH; Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Sỹ B. Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện LH

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh A. Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện LH. Theo văn bản ủy quyền số 12/UQ-UBND ngày 05/6/2021

4. Ủy ban nhân dân xã TH, huyện LH; Địa chỉ: Thôn Liên Trung, xã TH, huyện LH; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh Toàn. Chức vụ: Chủ tịch UBND xã TH

5. Công ty TNHH ĐP (Nay là Công ty đấu giá hợp danh ĐP); Địa chỉ: 591 Quốc lộ 20, thị trấn L, huyện ĐT; Đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị T1. Chức vụ Giám đốc

Do có kháng cáo của: Ông Nguyễn Bá U – Bị đơn.

(Ông U có mặt; Các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn vợ chồng ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H trình bày:

Từ năm 2008 đến năm 2010 vợ chồng ông bà có bán phân bón và đầu tư cho vợ chồng nhà ông U, bà L. Đến ngày 31/01/2011 hai bên thống nhất chốt sổ với nhau thì bà L còn nợ lại vợ chồng ông bà số tiền là 73.700.000đ. Do hai bên đã làm ăn lâu năm nên vợ chồng ông bà không yêu cầu cả hai vợ chồng ông U, bà L cùng ký nợ mà chỉ có bà L ký hẹn đến ngày 20/12/2011 sẽ trả nợ. Nhưng đến hẹn bà L không trả và ông U (Đ1) cũng không thừa nhận số nợ trên là nợ chung của hai vợ chồng nhưng bà L cũng thừa nhận với vợ chồng ông bà số nợ trên. Nay vợ chồng ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông U, bà L phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền gốc là 73.700.000đ. Đối với số tiền lãi suất vợ chồng ông, bà không yêu cầu. Ngoài ra vợ chồng ông bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

2. Bị đơn ông Nguyễn Bá U trình bày trình bày: Căn cứ quyết định giải quyết việc kháng cáo số 03/2020/QĐ - PT ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Ông đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của việc thi hành án. Cụ thể như sau: Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2014/DS - ST ngày 28/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện LH và bản án dân sự phúc thẩm số 76/2014/DS - PT ngày 24/7/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tuyên buộc ông và vợ ông là bà Lại Thị Kim L phải trả cho ông T, bà H số tiền nợ 73.700.000đ. Vì đây là khoản nợ riêng của vợ ông nhưng Tòa án hai cấp lại tuyên là nợ chung, ông không đồng ý đã làm đơn đề nghị TAND cấp cao kháng nghị. Trong thời gian chờ Tòa án cấp cao giải quyết thì Chi cục thi hành án dân sự huyện LH đã cho thi hành hai bản án nêu trên. Ngày 21/1/2016, Chi cục thi hành án dân sự huyện LH đã ra quyết định cưỡng chế kê biên diện tích đất 5.500m² (đất trồng cây lâu năm) thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 21, xã TH, huyện LH cùng tài sản trên đất. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện LH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông là Nguyễn Bá U. Ngày 24/8/2017, Chi cục thi hành án dân sự huyện LH đã có thông báo bán tài sản kê biên để thi hành án cụ thể là diện tích đất cây lâu năm 3.986m² thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 21, xã TH, huyện LH (nay là một phần thửa số 218, tờ bản đồ số 33). Người mua chính là ông T, bà H.

Ngày 09/10/2019 Tòa án cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã có quyết định giám đốc thẩm số 211/2019/DS - GĐĐT hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm nêu trên. Hậu quả từ việc xét xử không đúng của hai cấp Tòa án đã gây thiệt hại cho ông, nay ông đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy hợp đồng đấu giá bán tài sản giữa Trung tâm đấu giá tài sản tỉnh Lâm Đồng với vợ chồng ông T, bà H đối với diện tích đất 3.986m² thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 21, xã TH, huyện LH (nay là một phần thửa số 218, tờ bản đồ số 33); Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà cơ quan có thẩm quyền đã cấp cho ông T, bà H đối với diện tích đất nêu trên; Yêu cầu vợ chồng ông T, bà H phải trả cho ông diện tích đất 3.986m² thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 21, xã TH, huyện LH (nay là một phần thửa số 218, tờ bản đồ số 33) tại thôn Thạch Tân, xã TH, huyện LH; Yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện LH trả lại số tiền chi phí cưỡng chế thi hành án, chi phí đấu giá bán tài sản và các chi phí khác theo quy định của pháp luật; Yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 2243/QĐ - UBND ngày 14/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện LH về việc thu hồi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 003908.

Bên cạnh đó ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ủy ban nhân dân xã TH, huyện LH; Ủy ban nhân dân huyện LH, Chi cục thi hành án dân sự huyện LH và

ông Trần Minh H1 phải bồi thường cho ông gồm các khoản: Sản lượng cà phê từ năm 2016 đến năm 2021 là 384.000.000đ; số cây cà phê bị chết và không khắc phục được là 300 cây x 50.000đ/cây = 15.000.000đ; Tiền đi lại trong thời gian Tòa án giải quyết từ năm 2014 cho đến nay mỗi năm là 6.000.000đ x 8 năm thành tiền là 48.000.000đ. Ngoài ra ông yêu cầu bồi thường số tiền án phí, lệ phí mua bán đất lần 3, lệ phí vào cưỡng chế đất 4 lần mà ông đã nộp cho Tòa án trước đây và yêu cầu trả lại tài sản cho ông. Qua yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông T, bà H yêu cầu ông cùng bà L phải trả cho ông T, bà H số tiền là 73.700.000đ thì ông không đồng ý trả bởi đây là khoản nợ riêng của bà L. Ngoài ra ông không yêu cầu và trình bày gì thêm.

Bị đơn bà Lại Thị Kim L trình bày: Vào năm 2009, 2010 bà có mua phân bón của vợ chồng ông T, bà H để bón vườn cà phê của gia đình bà. Tới năm 2011, hai bên chốt sổ thì bà còn nợ lại vợ chồng ông T, bà H số tiền là 73.000.000đ. Bà lấy phân bón về để bón vườn cà phê chung của vợ chồng ông bà chứ không phải vay mượn tiền hay mua phân về dùng riêng cho bản thân bà. Vì vậy ông U phải có trách nhiệm cùng bà trả số nợ trên cho vợ chồng ông T, bà H số tiền là 73.000.000đ. Nay vợ chồng ông T, bà H yêu cầu bà và ông U phải trả lại cho vợ chồng ông T, bà H số tiền là 73.000.000đ thì bà đồng ý trả. Nhưng bà yêu cầu ông U phải có trách nhiệm cùng bà trả số tiền trên. Bà khẳng định chữ ký, chữ viết trong giấy nhận nợ ghi ngày 31/1/2011 đúng là chữ ký và chữ viết của bà. Đối với những yêu cầu của ông U là yêu cầu riêng không liên quan gì đến bà. Ngoài ra bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Vợ chồng ông Nguyễn Bá Kính Đ, bà Nguyễn Thị V trình bày: Trước đây vợ chồng ông bà có khởi kiện ông U, bà L tại Tòa án nhân dân huyện LH. Tại bản án số 34/2014/DS - ST ngày 30/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện LH đã buộc vợ chồng ông U, bà L có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông bà số tiền là 32.105.000đ. Tại bản án phúc thẩm số 143/2014/DSPT ngày 28/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã giữ nguyên bản án sơ thẩm trên. Sau đó vợ chồng ông bà đã làm đơn yêu cầu thi hành án. Theo vợ chồng ông bà được biết thì Chi cục thi hành án dân sự huyện LH đã cưỡng chế kê biên diện tích đất 3.986m² đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 21 của vợ chồng ông U, bà L để thi hành án bản án của vợ chồng ông bà và của vợ chồng ông T, bà H. Trong quá trình thi hành án giữa vợ chồng ông bà và vợ chồng ông T, bà H đã thỏa thuận với nhau vợ chồng ông T, bà H sẽ lấy diện tích đất 3.986m² thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 21, bộ bản đồ địa chính

xã TH, huyện LH và có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông bà số tiền là 32.405.000đ. Tuy nhiên sau đó bản án của vợ chồng ông T, bà H bị hủy nên ông T, bà H chưa trả cho vợ chồng ông được số tiền trên. Trong vụ án này vợ chồng ông bà không có ý kiến và yêu cầu gì. Ngoài ra vợ chồng ông bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

3.2. Người đại diện theo ủy quyền của Chi cục thi hành án dân sự huyện LH ông Bùi Văn Thiệp trình bày:

Ông được Chi cục thi hành án dân sự huyện LH ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án kiện: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn vợ chồng ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H với bị đơn ông Nguyễn Bá U, bà Lại Thị Kim L.

Nay ông xin được tự khai như sau: Chi cục thi hành án dân sự huyện LH nhận được công văn số 04/TA ngày 09/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện LH về việc đề nghị tham gia tố tụng và cung cấp thông tin thi hành nội dung tại bản án dân sự phúc thẩm số 76/2014/DSPT ngày 24/7/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng và bản án dân sự sơ thẩm số 27/2014/DSST ngày 28/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện LH. Phần nội dung thi hành án: Do ông U, bà L không tự nguyện thi hành án, ngày 16/3/2016 chấp hành viên đã tiến hành kê biên diện tích đất 3.986m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa số 08, tờ bản đồ số 21, bộ bản đồ địa chính xã TH, huyện LH cùng toàn bộ tài sản trên đất của ông U, bà L để thi hành án. Ngoài việc kê biên diện tích đất trên để thi hành án cho bản án dân sự phúc thẩm số 76/2014/DSPT ngày 24/7/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng và bản án dân sự sơ thẩm số 27/2014/DSST ngày 28/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện LH thì diện tích đất nêu trên còn được thi hành cho bản án dân sự phúc thẩm số 143/2014/DS - PT ngày 28/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng và bản án số 34/2014/DS - ST ngày 30/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện LH. Theo bản án số 143/2014/DS - PT ngày 28/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng và bản án số 34/2014/DS - ST ngày 30/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện LH thì vợ chồng ông U, bà L có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông Nguyễn Bá Kính Đ, bà Nguyễn Thị V số tiền là 32.105.000đ.

Sau khi giảm giá 03 lần nhưng không có người đăng ký mua tài sản nên ông Hoàng Như T là người được thi hành án đã làm đơn xin nhận tài sản thay cho việc thi hành án đồng thời giữa ông T với vợ chồng ông Đ, bà V thỏa thuận vợ chồng ông T, bà H nhận diện tích đất 3.986m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa số 08, tờ bản đồ số 21, bộ bản đồ địa chính xã TH, huyện LH của

ông U, bà L thì vợ chồng ông T, bà H phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Đ, bà V số tiền là 32.105.000đ (đây là nghĩa vụ của ông U, bà L).

Ngày 28/3/2018 Chấp hành viên đã tiến hành cưỡng chế giao tài sản trên cho vợ chồng ông T, bà H nhận để trừ vào các khoản phải thi hành án. Do ông U, bà L không tự nguyện giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục sang tên cho người nhận tài sản nên Chấp hành viên đã ban hành quyết định cưỡng chế giấy tờ số 65/QĐ - THA ngày 05/5/2018.

Ngày 30/5/2018, Chi cục thi hành án dân sự huyện LH đã ban hành công văn số 194/CV - CCTHA đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp cho người nhận tài sản.

Ngày 14/6/2018 Ủy ban nhân dân huyện LH đã ban hành quyết định số 2243/QĐ - UBND về việc thu hồi, hủy 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 003908 cấp năm 1998 cho ông Nguyễn Bá U (hiện chưa làm thủ tục cấp mới cho người nhận tài sản).

Ngày 09/10/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có quyết định giám đốc thẩm số 211/2019/DS - GĐT hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm số 76/2014/DSPT ngày 24/7/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng và bản án dân sự sơ thẩm số 27/2014/DSST ngày 28/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện LH.

Ngày 02/12/2019 Chi cục thi hành án dân sự huyện LH đã ra quyết định đình chỉ số 12/QĐ - CCTHA đình chỉ thi hành đối với khoản tiền bồi thường 73.700.000đ. Bên cạnh đó đối với bản án của vợ chồng ông Đ, bà V thì cũng chưa thi hành được khoản tiền nào.

Về khoản án phí, hoàn tạm ứng án phí: Theo quyết định số 13/QĐ - CCTHA thì ông U, bà L phải nộp 3.685.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Cơ quan thi hành án đã thu nộp Ngân sách số tiền 200.000đ mà ông U, bà L đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Số còn phải nộp là 3.685.000đ cơ quan thi hành án đã đình chỉ thi hành án. Đối với khoản tiền hoàn trả cho ông T, bà H Chi cục thi hành án dân sự huyện LH đã chi trả cho vợ chồng ông T, bà H 2.261.000đ vào ngày 11/11/2014 theo quyết định thi hành án số 31/QĐ - CCTHA ngày 07/10/2014.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại: Đối với sản lượng cà phê từ năm 2016 đến năm 2021 và số cây cà phê bị chết không khắc phục được:

Ngày 16/03/2016, Chi cục thi hành án dân sự huyện LH tổ chức kê biên cưỡng chế, xử lý một phần diện tích đất cùng tài sản trên đất của vợ chồng ông Nguyễn Bá U, bà Lại Thị Kim L để thi hành án. Sau khi kê biên, Chi cục thi

hành án dân sự huyện LH tiếp tục giao cho vợ chồng ông U, bà L được trực tiếp trông coi, bảo quản đất và tài sản trên đất kê biên, nên không làm thiệt hại đến quyền lợi của vợ chồng ông U, bà L. Ngày 28/3/2018, Chi cục thi hành án dân sự huyện LH tiến hành giao tài sản cho người được thi hành án để trừ vào số tiền được thi hành án. Tuy nhiên sau khi nhận tài sản, vợ chồng ông T, bà H vẫn chưa tác động làm thay đổi hiện trạng, để chờ cấp có thẩm quyền giải quyết đơn của ông Nguyễn Bá U. Trong thời gian chờ cấp thẩm quyền giải quyết cho đến nay ông U vẫn là người trực tiếp trông coi, bảo quản và thu hoạch giá trị tài sản trên diện tích đất bàn giao nên không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông U, bà L.

Đối với chi phí đi lại: Đây là quyền lợi của mỗi công dân ông Nguyễn Bá U có trách nhiệm liên hệ đến các cơ quan có thẩm quyền để được xem xét, bảo vệ quyền công dân của mình nên không liên quan đến bất kì tổ chức hay cá nhân nào trong quá trình giải quyết vụ việc. Khoản chi phí cưỡng chế thi hành án và tiền chi phí bán đấu giá tài sản: Do bản án dân sự phúc thẩm số 76/2014/DSPT ngày 24/07/2014 và bản án dân sự sơ thẩm số 27/2014/DSST ngày 28/4/2014 bị Tòa án cấp cao hủy toàn bộ, do đó toàn bộ các khoản chi phí trên thuộc diện thanh toán từ ngân sách nhà nước. Ngân sách nhà nước đã hỗ trợ khoản chi phí trên mà không thu từ khoản nào từ ông U, bà L.

Với các căn cứ trên, Chi cục thi hành án dân sự huyện LH đề nghị Tòa án nhân dân huyện LH không chấp nhận việc yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn Bá U, đồng thời giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

3.3. Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện LH ông Nguyễn Minh A trình bày: Trên cơ sở nghiên cứu công văn số 84/CV - TA ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện LH và hồ sơ thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 003908, diện tích 15.480m² đối với thửa đất số 08, tờ bản đồ số 21, xã TH cấp ngày 09/7/1998 cho ông Nguyễn Bá U ông có ý kiến như sau:

1. Việc ban hành quyết định thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 003908 cấp ngày 09/7/1998 cho ông Nguyễn Bá U: Thực hiện theo bản án dân sự sơ thẩm số 27/2014/DS - ST ngày 28/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện LH V/v tranh chấp quyền sử dụng đất; bản án dân sự phúc thẩm số 76/2014/DS - PT ngày 24/7/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản; bản án dân sự sơ thẩm số 34/2014/DS - ST ngày 30/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện LH V/v tranh chấp quyền sử dụng đất; bản án dân sự phúc thẩm số 143/2014/DS - PT

ngày 28/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng V/v tranh chấp quyền sử dụng đất; quyết định số 136/QĐDS - CCTHA ngày 02/02/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LH thi hành án theo đơn yêu cầu; quyết định số 50/QĐ - CCTHA ngày 28/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LH cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất; quyết định số 65/QĐ - CCTHA ngày 03/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LH cưỡng chế trả giấy tờ. Ngày 14/6/2018 Ủy ban nhân dân huyện LH đã ban hành quyết định số 2243/QĐ - UBND về việc thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 003908 cấp ngày 09/7/1998 cho ông Nguyễn Bá U.

Như vậy, trình tự, thủ tục ban hành quyết định thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 003908 cấp ngày 09/7/1998 cho ông Nguyễn Bá U là phù hợp với quy định tại khoản 6, điều 87, nghị định số 43/2014/NĐ - CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

2. Việc thu hồi và quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thu hồi: Tại điều 2 quyết định số 2243/QĐ - UBND ngày 14/6/2018, UBND huyện LH giao cho Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện LH phối hợp Ủy ban nhân dân xã TH thu hồi, hủy GCNQSDĐ; chỉnh lý hồ sơ địa chính, hướng dẫn người sử dụng đất lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ theo quy định. Do đó, đề nghị TAND huyện LH liên hệ Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lâm Hà, UBND xã TH để kiểm tra, xác minh thêm việc thu hồi, quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 003908, diện tích 15.480m², đối với thửa đất số 08, tờ bản đồ số 21, xã TH cấp ngày 09/7/1998 cho ông Nguyễn Bá U (Đ1).

3. Việc cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà H:

Qua kiểm tra hồ sơ địa chính và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã TH từ năm 2018 cho đến nay cho thấy UBND huyện chưa xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà H đối với diện tích 3.986m² thuộc một phần thửa đất số 08, tờ bản đồ địa chính số 21, xã TH.

Đối với nội dung ông U yêu cầu Tòa án nhân dân huyện LH hủy quyết định số 2243/QĐ - UBND ngày 14/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện LH về việc thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 003908 cấp ngày 09/7/1998; Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ, UBND huyện LH nhận thấy trình tự, thủ tục ban hành quyết định thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 003908 cấp ngày 09/7/1998 của ông Nguyễn Bá U (Đ1) là phù hợp với quy định tại khoản 6, Điều 87 nghị định số 43/2014/NĐ - CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Do đó Ủy ban nhân dân huyện LH giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại bản tự khai ngày 15/6/2021 của ông Nguyễn Minh An là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện LH và đề nghị Tòa án nhân dân huyện LH giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện LH. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện LH xem xét trong quá trình giải quyết vụ án.

3.4. Công ty TNHH DP (Nay là công ty đấu giá hợp doanh DP) bà Phạm Thị Thùy trình bày: Ngày 23/9/2016 Công ty đấu giá hợp doanh DP (trước đây là công ty TNHH DP) có ký hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản với Chi cục thi hành án dân sự huyện LH để tổ chức bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Bá U (Nguyễn Bá Đ1) bà Lại Thị Kim L đối với diện tích đất 3.986m² thuộc một phần thửa đất số 08, tờ bản đồ số 21, xã TH, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng (Nay là một phần thửa số 218, tờ bản đồ số 33). Công ty đấu giá hợp doanh DP đã tiến hành niêm yết, thông báo công khai việc bán đấu giá theo quy định của pháp luật. Quá trình tổ chức bán đấu giá, do không có người đăng ký mua tài sản vào các ngày 04/11/2016, ngày 25/01/2017, ngày 26/7/2017 và ngày 09/11/2011 nên Công ty đấu giá hợp doanh DP đã làm thông báo trả về việc: Bán đấu giá không thành do không có người mua đấu giá gửi Chi cục thi hành án dân sự huyện LH. Sau đó Chi cục thi hành án dân sự huyện LH và Công ty đấu giá hợp doanh DP đã tiến hành làm biên bản thanh lý hợp đồng vào ngày 28/3/2018. Do đó công ty đấu giá hợp doanh DP không thực hiện việc đấu giá tài sản và không ký hợp đồng bán đấu giá tài sản nêu trên cho vợ chồng ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H.

3.5. Ủy ban nhân dân xã TH, huyện LH ông Nguyễn Minh Toàn trình bày: Qua nghiên cứu công văn cũng như ý kiến yêu cầu bồi thường của bị đơn ông Nguyễn Bá U thì Ủy ban nhân dân xã TH, huyện LH có ý kiến như sau: Việc tranh chấp giữa vợ chồng ông T, bà H với ông U, bà L là tranh chấp về dân sự vay tài sản đang được Tòa án giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn Bá U thì Ủy ban nhân dân xã TH, huyện LH không đồng ý bởi lý do Ủy ban nhân dân xã TH, huyện LH không liên quan gì đến vụ án kiện nêu trên. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện LH đã xử

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản*” với bị đơn bà Lại Thị Kim L.

Buộc bà Lại Thị Kim L phải trả cho vợ chồng ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H số tiền gốc là 73.700.000đ (*Bảy mươi ba triệu, bảy trăm ngàn đồng*).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Bá U.

- Hủy quyết định số 2243/QĐ - UBND ngày 14/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện LH về việc thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 003908 cấp năm 1998 cho ông Nguyễn Bá U.

- Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Bá U đối với yêu cầu hủy hợp đồng bán đấu giá bán tài sản giữa Trung tâm đấu giá tài sản tỉnh Lâm Đồng với vợ chồng ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H đối với diện tích đất 3.986m² thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 21, bộ bản đồ địa chính xã TH, huyện LH và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà cơ quan có thẩm quyền đã cấp cho vợ chồng ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H đối với diện tích đất 3.986m² thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 21, bộ bản đồ địa chính xã TH, huyện LH.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Bá U đối với yêu cầu buộc vợ chồng ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H phải trả cho ông Nguyễn Bá U diện tích đất 3.986m² thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 21, bộ bản đồ địa chính xã TH, huyện LH (*nay là một phần thửa số 218, tờ bản đồ số 33*).

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Bá U đối với yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện LH trả lại số tiền chi phí cưỡng chế thi hành án, chi phí bán đấu giá bán tài sản và các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Bá U đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân xã TH, huyện LH, Ủy ban nhân dân huyện LH, Chi cục thi hành án dân sự huyện LH và ông Trần Minh H1 phải bồi thường cho ông Nguyễn Bá U sản lượng cà phê với số tiền là 384.000.000đ, số cà phê bị chết và không khắc phục được với số tiền là 15.000.000đ.

- Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Bá U đối với yêu cầu bồi thường tiền đi lại là 48.000.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/4/2022 bị đơn ông Nguyễn Bá U kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị đơn ông Nguyễn Bá U vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị vợ chồng ông T, bà H phải trả lại cho ông diện tích đất 3.986m² thuộc một phần thửa đất số 08, tờ bản đồ số 21, xã TH, huyện LH. Buộc Chi cục thi hành án dân sự huyện LH phải trả cho ông số tiền chi phí cưỡng chế thi hành án, chi phí đấu giá tài sản. Buộc UBND xã TH và UBND huyện LH và ông Trần Minh H1 phải bồi thường cho ông các khoản tiền sản lượng cà phê từ năm 2016 đến năm 2021 là 384.000.000đ và số cà phê bị chết không khắc phục được là 15.000.000đ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Đồng thời, nêu quan điểm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Bá U. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện LH.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Bá U, thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nguyên đơn ông T, bà H, bị đơn bà L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt đối với những đương sự trên theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Bá U:

[2.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát không kháng nghị đối với số tiền 73.700.000đ theo giấy nhận nợ ngày 31/01/2011 (gồm số tiền là 56.700.000đ và số tiền không lãi là 17.000.000đ). Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là khoản nợ riêng của bà L và buộc một mình bà L phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông T, bà H số tiền gốc là 73.700.000đ là có căn cứ. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết lại đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[2.2] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông U về việc đề nghị ông T, bà H phải trả lại cho ông diện tích đất 3.986m² thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 21, bộ bản đồ địa chính xã TH, huyện LH thì thấy rằng:

Ngày 16/03/2016, Chi cục thi hành án dân sự huyện LH tổ chức kê biên cưỡng chế, xử lý một phần diện tích đất cùng tài sản trên đất của vợ chồng ông Nguyễn Bá U, bà Lại Thị Kim L để thi hành án. Sau khi kê biên, Chi cục thi hành án dân sự huyện LH tiếp tục giao cho vợ chồng ông U, bà L được trực tiếp trông coi, bảo quản đất và tài sản trên đất kê biên. Ngày 28/3/2018, Chi cục thi hành án dân sự huyện LH tiến hành giao tài sản cho người được thi hành án để trừ vào số tiền được thi hành án. Tuy nhiên sau khi nhận tài sản, vợ chồng ông T, bà H vẫn chưa tác động làm thay đổi hiện trạng, để chờ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Bá U. Đồng thời, qua lời khai của các đương sự cũng như thông qua việc xác minh thực tế của những người đang sử dụng xung quanh (*lời trình bày của ông Nguyễn Bá Kính Đ, ông Trần Văn Lâm – BL 217, 287*) thì từ thời điểm Chi cục thi hành án dân sự huyện LH tiến hành cưỡng chế, kê biên giao diện tích đất trên cho vợ chồng ông T, bà H thì vợ chồng ông T, bà H hoàn toàn không sử dụng diện tích đất này mà ông U là người sử dụng từ thời điểm đó cho đến nay nên việc ông U yêu cầu vợ chồng ông T, bà H phải trả lại cho ông diện tích 3.986m² thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 21, bộ bản đồ địa chính xã TH, huyện LH (*nay thuộc một phần thửa 218, tờ bản đồ số 33, xã TH*) là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu về việc đề nghị Chi cục thi hành án dân sự huyện LH trả lại cho ông U số tiền chi phí cưỡng chế thi hành án, chi phí đấu giá tài sản và các chi phí khác theo quy định của pháp luật thì.

Toàn bộ chi phí cưỡng chế thi hành án và tiền chi phí bán đấu giá tài sản liên quan đến Bản án dân sự phúc thẩm số 76/2014/DSPT ngày 24/07/2014 và bản án dân sự sơ thẩm số 27/2014/DSST ngày 28/4/2014. Ngày 06/11/2020 Ngân sách nhà nước đã hỗ trợ khoản chi phí trên mà không thu bất kỳ khoản nào từ ông U, bà L (*Bút lục 392*). Hơn nữa tại phiên tòa sơ thẩm ông U thừa nhận ông chưa trả khoản chi phí nào cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông U là có căn cứ.

[2.4] Đối với yêu cầu của ông U yêu cầu Ủy ban nhân dân xã TH, huyện LH, Ủy ban nhân dân huyện LH, Chi cục thi hành án dân sự huyện LH và ông Trần Minh H1 phải bồi thường cho ông gồm các khoản: Sản lượng cà phê từ năm 2016 đến năm 2021 là 384.000.000đ; số cà phê bị chết và không khắc phục được là 300 cây x 50.000đ thành tiền là 15.000.000đ thì thấy rằng.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện. Sau khi Chi cục thi hành án dân sự huyện LH tiến hành cưỡng chế, kê biên giao diện tích đất 3.986m² thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 21, bộ bản đồ địa chính xã TH, huyện

LH cho vợ chồng ông T, bà H thì vợ chồng ông T, bà H vẫn chưa tác động làm thay đổi hiện trạng. Ông U vẫn là người trực tiếp quản lý, canh tác và thu hoạch giá trị cây trồng trên đất. Vì vậy, việc ông yêu cầu bồi thường sản lượng cà phê, số cà phê bị chết là không có cơ sở.

[2.5] Đối với yêu cầu bồi thường chi phí đi lại với số tiền là 48.000.000đ. Theo quy định tại điều 28 Luật bồi thường nhà nước thì các chi phí khác được bồi thường trong đó có chi phí đi lại, tuy nhiên ông Nguyễn Bá U không cung cấp được căn cứ để bồi thường là văn bản đã có hiệu lực pháp luật do cơ quan Nhà nước ban hành theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định, trong đó xác định rõ hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu trên của ông U là có căn cứ.

[2.6] Đối với yêu cầu buộc UBND huyện LH cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông thì: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông U có yêu cầu phản tố đề nghị hủy Quyết định số 2243/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của UBND huyện LH về việc thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 003908 đối với diện tích đất 15.480m², thửa 08, tờ bản đồ 21. Tại bản án sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện LH đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông về việc hủy quyết định số 2243/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 để khôi phục lại tài sản là quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Bá U. Tuy nhiên, sau khi UBND huyện LH ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thì hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 003908 ông U vẫn chưa giao nộp cho cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên vẫn có hiệu lực pháp luật nên việc ông U yêu cầu UBND huyện LH cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những nhận định phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Bá U. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện LH.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông U phải nộp án phí phúc thẩm. Tuy nhiên ông U, sinh năm 1962 thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Bá U. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện LH. Xử

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H về việc: *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản”* với bị đơn bà Lại Thị Kim L.

Buộc bà Lại Thị Kim L có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H số tiền gốc là 73.700.000đ (*Bảy mươi ba triệu, bảy trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Bá U.

- Hủy quyết định số 2243/QĐ - UBND ngày 14/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện LH về việc thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 003908 cấp ngày 09/7/1998 cho ông Nguyễn Bá U.

- Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Bá U đối với yêu cầu hủy hợp đồng bán đấu giá bán tài sản giữa Trung tâm đấu giá tài sản tỉnh Lâm Đồng với vợ chồng ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H đối với diện tích đất 3.986m² thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 21, bộ bản đồ địa chính xã TH, huyện LH và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà cơ quan có thẩm quyền đã cấp cho vợ chồng ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H đối với diện tích đất 3.986m² thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 21, bộ bản đồ địa chính xã TH, huyện LH.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Bá U đối với yêu cầu buộc vợ chồng ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H phải trả cho ông Nguyễn Bá U diện tích đất 3.986m² thuộc một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 21, bộ bản đồ địa chính xã TH, huyện LH (*nay là một phần thửa số 218, tờ bản đồ số 33*).

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Bá U đối với yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện LH trả lại số tiền chi phí cưỡng chế thi hành án, chi phí bán đấu giá bán tài sản và các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Bá U đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân xã TH, huyện LH, Ủy ban nhân dân huyện LH, Chi cục thi hành án dân sự huyện LH và ông Trần Minh H1 phải bồi thường cho ông Nguyễn Bá U sản lượng cà phê với số tiền là 384.000.000đ, số cà phê bị chết và không khắc phục được với số tiền là 15.000.000đ.

- Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Bá U đối với yêu cầu bồi thường tiền đi lại là 48.000.000đ.

3. Về án phí: Buộc bà Lại Thị Kim L phải chịu 3.685.000đ (*Ba triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho vợ chồng ông Hoàng Như T, bà Đặng Thị H số tiền 1.842.500đ (*Một triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014951 ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH.

Thoái thu số tiền 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) mà ông Nguyễn Bá U đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/0003495 ngày 21/5/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LH để hoàn trả cho ông Nguyễn Bá U.

Thoái thu số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) mà ông Nguyễn Bá U đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007466 ngày 05/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LH để hoàn trả cho ông Nguyễn Bá U.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Bá U số tiền 11.775.000đ (*Mười một triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002853 ngày 31/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LH.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LB;
- TAND huyện LH (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự (08);
- Lưu AV – HS (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Vân